

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN HẢI
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS-ST
Ngày 19 tháng 6 năm 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và nợ hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Đặng Hữu Thạnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Chí Nhỏ

Ông: Bùi Đức Thắng

- Thư ký phiên tòa: **Ông Lê Thanh Toàn** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Hải: **Bà Nguyễn Thị Mỹ Nga** - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 6 năm 2019; tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2019/TLST-DS, ngày 26 tháng 02 năm 2019, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 5 năm 2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thi D1**, sinh năm 1952 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Tổ 10, ấp An Phú, xã Nam Du, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang

- Bị đơn: **Bà Phạm Thị D**, sinh năm 1968 (*có đơn xin vắng mặt*)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ông Nguyễn Linh Q**, sinh năm 1968 (*Chồng bà D có đơn xin vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Tổ 11, ấp An Phú, xã Nam Du, huyện Kiên Hải, Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa Nguyên đơn bà Nguyễn Thi D trình bày:

Vào ngày 15/8/2017 (âm lịch), bà D1 cho bà Phạm Thị D vay với số tiền 46.400.000đ. Khi vay chỉ nói miệng, không lập thành văn bản, không thỏa thuận thời gian trả nợ, chỉ thỏa thuận khi nào tôi có nhu cầu thì bà D sẽ trả tiền cho bà

D1, vay không có lãi. Tuy nhiên đến khi bà tôi yêu cầu bà D trả số tiền trên nhưng bà D hứa hẹn nhiều lần, đến nay vẫn chưa trả.

Đồng thời trước đây bà D có tham gia dây hụi dây hụi 05 ngày góp 1 lần với số tiền 3.000.000đ/lần. và bà D đã hốt tiền hụi của tôi, sau đó bà D đóng cho tôi được vài lần hụi chết thì bà ngưng đóng cho đến nay, tôi phải đóng hụi cho các hụi viên khác thay cho bà D, hiện nay dây hụi này đã mãng nên số tiền hụi mà bà D còn nợ tôi là 167.600.000đ. Ngày 25/3/2018, bà D trả cho bà được 3.000.000đ. Hiện bà D còn nợ tôi với tổng số tiền 211.000.000đ.

Nay bà tôi yêu cầu vợ chồng bà Phạm Thị D, ông Nguyễn Linh Q có trách nhiệm liên đới trả cho bà D1 số tiền đã vay và nợ hụi với tổng số tiền 211.000.000đ, trả trong 1 lần và không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra tôi không yêu cầu gì khác.

Theo hồ sơ vụ án Bị đơn bà Phạm Thị D trình bày: Bà D thừa nhận còn nợ của bà D1 tiền vay là 46.400.000đ và nợ hụi số tiền 167.600.000đ tổng cộng tiền là 214.000.000đ đã trả 3.000.000đ còn nợ lại 211.000.000đ như trình bày của bà D1, việc giao nhận tiền không có lập văn bản. Việc mượn nợ của bà D1 là phục vụ cho việc buôn bán của bà, cũng như trả nợ cho các chủ nợ khác nhưng do nợ nhiều nên hiện nay không có khả năng thanh toán nợ cho bà Nguyễn Thị D, bà D xin trả cho bà D1 mỗi tháng 1.000.000đ đến khi hết số nợ.

Theo hồ sơ vụ án Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Linh Q trình bày: Việc vợ ông là bà Phạm Thị D mượn nợ của bà Nguyễn Thị D thì chính bà D nói cho ông biết việc này. Việc mượn nợ của bà D chỉ nhằm mục đích xoay sở công việc buôn bán của gia đình và trả nợ cho các chủ nợ khác, hiện nay số nợ còn lại bao nhiêu thì ông Quang cũng không rõ. Còn việc nợ hụi của bà D1 thì ông Quang mới biết.

Ông Quang thừa nhận vợ chồng ông còn nợ của bà Nguyễn Thị D tổng số tiền 211.000.000đ. Do điều kiện kinh tế khó khăn, xin trả mỗi tháng là 1.000.000đ.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Hải phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Nguyễn Thị D, buộc vợ chồng bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Linh Q trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 211.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Phạm Thị D có hộ khẩu thường trú ở ấp An Phú, xã Nam Du, huyện Kiên Hải, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn bà Phạm Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Linh Q vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà D ông Quang.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, bà D1 yêu cầu vợ chồng bà D, ông Quang trả cho bà số tiền mượn còn nợ và số tiền hui với tổng số tiền 211.000.000đ, yêu cầu trả trong 1 lần, không yêu cầu tính lãi. Theo lời khai trong hồ sơ bà D, ông Quang cũng thừa nhận còn nợ của bà D1 số tiền nói trên. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui” thuộc trường hợp vay không kỳ hạn và không có lãi được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: bà Nguyễn Thi D yêu cầu bà Phạm Thị D số tiền vay và tiền hui là 211.000.000, theo biên bản hòa giải của ấp An Phú xã Nam Du huyện Kiên Hải ngày 29/8/2018 nội dung thể hiện bà D thừa nhận còn nợ bà D1 số tiền là 211.000.000đ có dấu điểm chỉ của bà D, và trong các lời khai trong hồ sơ bà D đều thừa nhận còn nợ bà D1 số tiền là 211.000.000đ. Do đó căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét thấy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D1 là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án theo các lời khai, bà D, ông Quang đều thừa nhận số tiền còn nợ của bà D1 là nợ chung của vợ chồng bà D, ông Quang vì mục đích vay tiền là để đầu tư phát triển kinh tế gia đình và trả nợ cho các chủ nợ khác, Nên buộc bà D, ông Quang có trách nhiệm liên đới phải trả cho bà D1 số tiền trên là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về thời gian trả nợ, bà D1 yêu cầu vợ chồng bà D, ông Quang trả hết khoảng nợ nói trên trong 1 lần, bà D, ông Quang xin trả mỗi tháng 1.000.000đ. Xét yêu cầu của bà D, ông Quang không được bà D1 đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về lãi suất: Bà D1 không có yêu cầu gì. Cho nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: $211.000.000 \times 5\% = 10.550.000\text{đ}$ Buộc bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thi D là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 92; khoản 3 Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 469; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 30; Nghị định số 144/2006/NĐCP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, họ, biên, phường.
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D1 về việc yêu cầu bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Linh Q phải trả số tiền vay và nợ hui .

1. Buộc bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Linh Q có trách nhiệm liên đới phải trả cho bà Nguyễn Thị D tiền vay và nợ hụi với tổng số tiền 211.000.000đ (Hai trăm mười một triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì người phải thi hành án còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí DSST: Buộc Phạm Thị D phải nộp 10.550.000đ (Mười triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng)

Hoàn trả cho bà D1 số tiền 5.275.000đ (*Năm triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000409, ngày 26/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho Nguyên đơn, Bị đơn, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. (Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Linh Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TA tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát Kiên Hải;
- Chi cục Thi hành án Kiên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hữu Thạnh